

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01 – 12 – 2022

Về việc: “Xin ly hôn và nuôi con chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Đăng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Thanh Học.

2. Bà Đỗ Thị Thanh Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 143/2022/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022, về việc: “Xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 66/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/11/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Hữu T, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 6, ấp H, xã T, thành phố H, tỉnh K. (Có mặt).

Bị đơn: Bà Thái Thị N, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 6, ấp H, xã T, thành phố H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Võ Hữu T trình bày: Ông và bà Thái Thị N chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/4/2012. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, từ năm 2015 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm do bà N nhiều lần bỏ nhà đi không có lý do, đi khoảng vài tháng thì quay về nhà sau đó lại tiếp tục bỏ đi, lần gần đây nhất

là từ tháng 3/2022 đến nay bà N đã bỏ nhà đi cho đến nay, khi nộp đơn ly hôn ông có liên hệ, bà N có biết việc ông xin ly hôn với bà N ở Tòa án nhưng bà N không có ý kiến. Nay nhận thấy vợ chồng không thể sống chung được nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Thái Thị N.

Về con chung: Vợ chồng ông bà chung sống có một con chung tên Võ Trọng K, sinh ngày 16/3/2013, giới tính nam. Hiện nay con chung đang sống với ông và có nguyện vọng tiếp tục sống với ông nên ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà N cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng ông bà chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Thái Thị N nhưng qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú được cung cấp thông tin bà Thái Thị Nhung hiện không có mặt tại địa phương. Do đó, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bà Thái Thị N theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuy nhiên cho đến nay bà Thái Thị N cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ việc tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Ông Võ Hữu T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc xin ly hôn và nuôi con chung đối với bà Thái Thị N. Giữa hai người có đăng ký kết hôn nhưng đến nay đã mâu thuẫn trầm trọng vì bà N thường xuyên bỏ nhà đi và đã ly thân từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Do đó, Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Võ Hữu T được ly hôn với bà Thái Thị N; Về con chung: Giao con chung tên Võ Trọng K, sinh ngày 16/3/2013, giới tính nam cho ông Võ Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận việc ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng chi phí nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xem xét. Buộc nguyên đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Võ Hữu T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Thái Thị N, bà N có nơi đăng ký thường trú tại ấp H, xã T, thành phố H, tỉnh K. Do đó, đây là vụ án về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Thái Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Võ Hữu T và bà Thái Thị N chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/4/2012, do đó hôn nhân của ông, bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc. Theo ông T giữa vợ chồng ông có mâu thuẫn do bà N nhiều lần bỏ nhà đi không có lý do, ông đã tha thứ nhiều lần, tuy nhiên từ tháng 3/2022 bà N tiếp tục bỏ nhà đi cho đến nay và chặn số điện thoại liên lạc của ông, vợ chồng ông bà cũng ly thân từ thời gian này đến nay. Quá trình giải quyết vụ án bà N không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của ông T. Qua xác minh về tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà N tại địa phương được cung cấp thông tin ông T và bà N có đăng ký thường trú tại ấp H, xã T, thành phố H. Tuy nhiên, hiện nay bà N không có mặt tại địa phương hơn 01 năm nay, giữa ông T, bà N có mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không biết. Xét thấy, giữa ông T, bà N có mâu thuẫn, ông Tr, bà N đã không còn chung sống với nhau từ khoảng tháng 3/2022 đến nay, trong khoảng thời gian này ông bà không còn quan tâm chăm sóc và tin tưởng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Do đó, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Hội đồng xét xử nghị chấp nhận cho ông T và bà N ly hôn.

[4] Về con chung: Ông Võ Hữu T và bà Thái Thị N chung sống có một con chung tên Võ Trọng K, sinh ngày 16/3/2013, giới tính nam, hiện nay con chung

đang sống với ông T và có nguyện vọng được tiếp tục sống với ông T, ông T có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành nên căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận việc ông T không yêu cầu bà N cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Ông Võ Hữu T trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Võ Hữu T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho ông Võ Hữu T được ly hôn với bà Thái Thị N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Trọng K, sinh ngày 16/3/2013, giới tính nam cho ông Võ Hữu T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận việc ông T không yêu cầu bà Nhung cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Ông Võ Hữu T cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Thái Thị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Hữu T và bà Thái Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Võ Hữu T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*). Nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Trọng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000647 ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang nên không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo :

Nguyên đơn ông Võ Hữu T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà Thái Thị N được quyền kháng cáo trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Hà Tiên;
- Chi cục THADS TP. Hà Tiên;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Đăng

